

Số: /SYT-NV
V/v hướng dẫn thực hiện tiêu chí,
chỉ tiêu y tế thuộc Bộ tiêu chí về xã
nông thôn mới thành phố Đồng Nai
giai đoạn 2026 - 2030.

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các xã;
- Các phòng chuyên môn thuộc Sở Y tế;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố.

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1102/QĐ-BYT ngày 21/4/2026 của Bộ Y tế ban hành hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 và hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Công văn số 6878/UBND-KGVX ngày 27/4/2026 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1102/QĐ-BYT ngày 21/4/2026 của Bộ Y tế;

Sở Y tế hướng dẫn thực hiện tiêu chí, chỉ tiêu y tế thuộc Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới thành phố Đồng Nai giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể như sau:

I. Các tiêu chí y tế thuộc Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới thành phố Đồng Nai giai đoạn 2026 - 2030

1. Tiêu chí 5.3 Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.
2. Tiêu chí 5.4 Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội.
3. Tiêu chí 6.6 Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có).

II. Hướng dẫn thực hiện Tiêu chí 5.3 Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế

1. Căn cứ thực hiện

- Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030;
- Quyết định số 1453/QĐ-BYT ngày 20/3/2023 của Bộ Y tế về đính chính Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030.
- Các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

2. Khái niệm

Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế là xã được UBND thành phố công nhận đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế theo quy định của Bộ Y tế.

3. Hướng dẫn thực hiện

- Xã đạt tiêu chí là xã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu:
 - + Đạt từ 80% tổng điểm trở lên;
 - + Số điểm trong mỗi tiêu chí phải đạt từ 50% số điểm của tiêu chí đó trở lên. Không bị “điểm liệt”.
- Xã được UBND thành phố công nhận đạt tiêu chí quốc gia về y tế có thời hạn **trong vòng 3 năm**. Việc đánh giá kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã được UBND xã thực hiện hằng năm, báo cáo kết quả về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố. Đối với các xã trong những năm tiếp theo từ thời điểm công nhận không đạt Bộ tiêu chí thì phải rút danh hiệu đã công nhận.
- Việc áp dụng Bộ tiêu chí nhằm đánh giá các hoạt động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân của toàn xã, chứ không chỉ đánh giá hoạt động của Trạm Y tế xã. Mục đích chính của Bộ tiêu chí là tạo ra các tiêu chuẩn để đáp ứng tốt nhất nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ở từng vùng, miền.
- Những chỉ tiêu trong Bộ tiêu chí là những **yêu cầu cơ bản cần đạt**, ngoài ra nếu đã đạt Bộ tiêu chí cần tiếp tục phấn đấu để đạt các yêu cầu, tiêu chuẩn trong một số quy định khác do Bộ Y tế ban hành.
- Các tiêu chí đánh giá dựa theo các quy định hiện hành. Khi các quy định đó thay đổi thì tiêu chí đánh giá cũng cần thay đổi theo cho phù hợp.
- Các địa phương căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể về điều kiện địa lý, kinh tế - xã hội, mô hình bệnh tật; nếu có ý kiến cụ thể hóa, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với địa phương, thì báo cáo Sở Y tế tổng hợp, trình Bộ Y tế, UBND thành phố xem xét, quyết định.

4. Hồ sơ minh chứng

- Báo cáo của UBND xã về kết quả thực hiện tiêu chí và phương hướng, giải pháp, nhiệm vụ trong thời gian tới để duy trì, giữ vững kết quả thực hiện tiêu chí (Lưu ý không phải là báo cáo số liệu đạt tiêu chí).

- Quyết định công nhận đạt tiêu chí quốc gia về y tế của UBND thành phố (nếu có).

- Biên bản tự đánh giá Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã của UBND xã kèm theo Bảng điểm theo Quyết định số 1300/QĐ-BYT.

- Các văn bản, hình ảnh minh chứng và hồ sơ có liên quan khác kèm theo.

III. Hướng dẫn thực hiện Tiêu chí 5.4 Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội

1. Căn cứ thực hiện

- Thông tư số 43/2025/TT-BYT ngày 15/11/2025 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trạm Y tế xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thông tư số 53/2025/TT-BYT ngày 31/12/2025 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2025/TT-BYT.

2. Khái niệm

Trạm Y tế xã là đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trạm Y tế xã theo Thông tư số 43/2025/TT-BYT, Thông tư số 53/2025/TT-BYT.

3. Hướng dẫn thực hiện

Xã đạt tiêu chí là xã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu:

- Có Trạm Y tế là đơn vị sự nghiệp công lập;
- Trạm Y tế thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trạm Y tế theo Thông tư số 43/2025/TT-BYT, Thông tư số 53/2025/TT-BYT, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội.

4. Hồ sơ minh chứng

a) Hồ sơ pháp lý thành lập đơn vị

- Quyết định thành lập Trạm Y tế xã của cơ quan có thẩm quyền.
- Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trạm Y tế.
- Văn bản quy định cơ cấu tổ chức của Trạm Y tế.

b) Hồ sơ tổ chức bộ máy và nhân lực

- Sơ đồ tổ chức Trạm Y tế.
- Danh sách viên chức, người lao động hiện có.
- Quyết định bổ nhiệm Giám đốc trạm, Phó Giám đốc trạm.
- Đề án vị trí việc làm được phê duyệt.
- Quyết định giao biên chế hoặc số lượng người làm việc.

c) Hồ sơ chứng minh cung ứng dịch vụ y tế cơ bản, thiết yếu

- Kế hoạch hoạt động hằng năm của Trạm Y tế.

- Báo cáo hoạt động khám bệnh, chữa bệnh; công tác phòng chống dịch bệnh; chăm sóc sức khỏe ban đầu; quản lý bệnh không lây nhiễm; tiêm chủng mở rộng; chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; dân số.

- Hồ sơ quản lý sức khỏe người dân.

- Hồ sơ triển khai khám chữa bệnh BHYT.

d) Hồ sơ cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Danh mục trang thiết bị y tế hiện có.

- Biên bản kiểm kê tài sản.

- Hồ sơ quản lý thuốc, vật tư y tế.

- Hình ảnh cơ sở vật chất, các phòng chức năng.

- Hồ sơ chứng minh đủ điều kiện hoạt động theo quy định.

đ) Hồ sơ về dịch vụ chăm sóc xã hội

- Hồ sơ quản lý người cao tuổi; người khuyết tật; chăm sóc sức khỏe đối tượng bảo trợ xã hội.

- Kế hoạch phối hợp với các ban ngành, đoàn thể trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

- Biên bản, báo cáo các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe.

e) Hồ sơ kiểm tra, đánh giá

- Báo cáo của UBND xã về kết quả thực hiện tiêu chí và phương hướng, giải pháp, nhiệm vụ trong thời gian tới để duy trì, giữ vững kết quả thực hiện tiêu chí (Lưu ý không phải là báo cáo số liệu đạt tiêu chí).

- Các văn bản chỉ đạo của UBND xã, Sở Y tế liên quan đến tổ chức và hoạt động của Trạm Y tế.

- Các văn bản, hình ảnh minh chứng và hồ sơ có liên quan khác kèm theo.

IV. Hướng dẫn thực hiện Tiêu chí 6.6 Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)

1. Căn cứ thực hiện

- Kế hoạch số 88-KH/TU ngày 11/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư về công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;

- Kế hoạch số 4644/KH-UBND ngày 5/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về hành động vì trẻ em tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2030;

- Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh Bình Phước (cũ) Thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về phê duyệt Đề án phòng, chống tai nạn, thương tích, xâm hại trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2030.

2. Khái niệm

- Hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em: Hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em là việc thực hiện các biện pháp nhằm phòng ngừa, ngăn chặn hành vi xâm hại trẻ em; kịp thời can thiệp, giải quyết để giảm thiểu hậu quả; hỗ trợ để phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em bị xâm hại.

- Chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt: Chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là việc các cơ quan, tổ chức, cá nhân dưới một hoặc nhiều hình thức: chăm sóc sức khỏe, trợ giúp xã hội (thường xuyên, đột xuất); hỗ trợ giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp; trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn, trị liệu tâm lý và các dịch vụ bảo vệ trẻ em khác.

3. Hướng dẫn thực hiện

Xã đạt tiêu chí là xã đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu sau:

3.1. Chỉ tiêu 1: Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em

a) Có bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em trong số các công chức, viên chức cấp xã (văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã: quyết định/thông báo/văn bản phân công nhiệm vụ...).

b) Có bố trí kinh phí hằng năm cho việc thực hiện công tác trẻ em (ngân sách, vận động).

c) Có Tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em cấp xã (có quyết định thành lập, quy chế làm việc của Ban Bảo vệ, chăm sóc trẻ em/Ban điều hành công tác trẻ em...) và thực hiện tốt nhiệm vụ theo quy định.

d) 100% trẻ em bị xâm hại được phát hiện được hỗ trợ, can thiệp kịp thời theo quy định tại Luật Trẻ em và Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em (hồ sơ hỗ trợ, can thiệp cho trẻ em bị xâm hại).

đ) Có đường dây nóng thường trực để tiếp nhận, xử lý thông tin, thông báo nguy cơ, hành vi xâm hại trẻ em hoạt động 24/7 (số điện thoại để tiếp nhận thông tin, thông báo và quyết định/thông báo/văn bản phân công nhiệm vụ).

e) 100% học sinh trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn được hướng dẫn, giáo dục kiến thức, kỹ năng sống và kỹ năng tự bảo vệ trước các hành vi xâm hại với nội dung phù hợp với lứa tuổi (Các văn bản, hình ảnh minh chứng và hồ sơ có liên quan khác kèm theo).

g) 100% gia đình có trẻ em được cung cấp kiến thức, kỹ năng về bảo vệ trẻ em bằng các hình thức khác nhau. (Các văn bản, hình ảnh minh chứng và hồ sơ có liên quan khác kèm theo).

h) Có hoạt động bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ tham gia tổ chức phối hợp liên ngành, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, người chăm sóc trẻ em và mạng lưới cộng tác viên bảo vệ trẻ em. (Các văn bản, hình ảnh minh chứng và hồ sơ có liên quan khác kèm theo).

k) Thực hiện công tác quản lý các cơ sở bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em trên địa bàn (thống kê số liệu, thông tin, kiểm tra định kỳ, đột xuất việc thực hiện quy định của pháp luật về trẻ em và xử lý vi phạm theo thẩm quyền). (Các văn bản, hình ảnh minh chứng và hồ sơ có liên quan khác kèm theo).

3.2. Chỉ tiêu 2: Chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có), đạt tỷ lệ 100%

Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trên địa bàn đạt tỷ lệ 100% (danh sách trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn xã; danh sách trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp bởi các hình thức, kèm theo hồ sơ minh chứng có liên quan).

Công thức tính:

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ trẻ em có hoàn} \\ \text{cảnh đặc biệt được} \\ \text{chăm sóc, nuôi dưỡng,} \\ \text{trợ giúp (\%)} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được} \\ \text{chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp} \end{array}}{\text{Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt}} \times 100$$

Sở Y tế đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo về Sở Y tế hoặc liên hệ bà Phạm Lê Hồng Phương - Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ 0944 232 832 để hỗ trợ, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Y tế;
- UBND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, NV (Phương).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Võ Thị Ngọc Lắm